

Thứ năm, ngày 7 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Kết thúc chuỗi tăng điểm liên tiếp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/11/2019			•
Tuần 4/11-8/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Phiên giao dịch buổi sáng của VN-Index ghi nhận diễn biến giằng co quanh mốc tham chiếu khi các mã VHM, BID, VCB là các trụ cột nâng đỡ còn VIC, VNM, NVL gây áp lực bán mạnh. Đến phiên chiều, thị trường giao dịch có phần tích cực hơn nhưng vẫn phải lùi về sau mốc tham chiếu khi VIC, VNM, BVH điều chỉnh. Chỉ số ghi nhận phiên điều chỉnh sau bốn phiên tăng điểm liên tiếp. Bên cạnh áp lực chốt lời khi VN-Index tiếp tục thử thách các ngưỡng kháng cự cao hơn, tín hiệu kém khả quan về thời hạn kí kết thỏa thuận giữa Mỹ - Trung có thể bị trì hoãn tới tháng 12 cũng phần nào ảnh hưởng đến tâm lí nhà đầu tư.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng giá theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 07/11/2019, thị trường chứng quyền có sự phân hóa trong khi hầu hết chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ. HPG tăng tích cực trong phiên hôm nay dù chưa vượt khỏi vùng tích lũy 21.5-23.5. Thanh khoản tăng mạnh, đồng thuận với tín hiệu tăng bởi các chỉ báo động lượng. Nếu thanh khoản tiếp tục tích cực, vận động tăng của HPG có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_1.1%. 14/18 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - gồm những mã cổ phiếu trả cổ tức tiền đều qua từng năm và có tính ổn định cao, phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.1%**, con số này của VNINDEX là -0.1%.

Phân tích kỹ thuật: DGC_Hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.88 điểm**, đóng cửa 1,024.03. HNX-Index **+0.13 điểm**, đóng cửa 106.88.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.96); HPG (+0.58); EIB (+0.38); VCB (+0.33); MSN (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.06); VNM (-0.51); BVH (-0.20); NVL (-0.16); VOB (-0.10)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,399 tỷ đồng**, **-8.7%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.84 điểm. Thị trường có 141 mã tăng, 74 mã tham chiếu và 177 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **133.47 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VRE (63.32 tỷ), VHM (62.53 tỷ) và HPG (46.03 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **14.17 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

1024.03

Giá trị: 3399.59 tỷ

-0.88 (-0.09%)

Khối ngoại (ròng): 133.47 tỷ

HNX-INDEX

106.88

Giá trị: 278.41 tỷ

0.13 (0.12%)

Khối ngoại (ròng): -14.17 tỷ

UPCOM-INDEX

56.83

Giá trị: 443.34 tỷ

0.23 (0.41%)

Khối ngoại (ròng): -4.52 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.9	0.98%
Giá vàng	1,486	-0.30%
Tỷ giá USD/VND	23,200	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,816	-0.29%
Tỷ giá JPY/VND	21,283	-0.03%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	-2.63%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	63.0	VNM	34.1
VHM	62.6	NVL	29.9
HPG	45.7	VJC	23.4
ROS	24.9	ANV	17.5
HCM	9.9	VCI	12.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Phân tích kỹ thuật

DGC_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: DGC vẫn đang ở trong trạng thái tích lũy tại khu vực 25.5-28, cũng là vùng giá mà cổ phiếu này ở lại lâu nhất trong lịch sử. Phiên hôm nay thanh khoản tăng so với các phiên trước đó đã đẩy giá cổ phiếu tăng hơn 5%. Đường MACD vẫn đang duy trì trên đường tín hiệu cho thấy DGC trong ngắn hạn ít có khả năng giảm xuống dưới nền giá 25.5, ngưỡng hỗ trợ mạnh của cổ phiếu này. Tuy nhiên, đường EMA12 vẫn nằm dưới đường EMA26 nên chưa thể xóa đi sự hoài nghi về khả năng DGC có thể vượt lên trên mức cản 28. Bên cạnh đó, việc chỉ báo động lượng RSI vượt mạnh lên trên giá trị 50 một cách đột ngột không nói lên rằng đợt tăng giá này là bền vững. Dự kiến DGC sẽ tiếp tục tích lũy trong vùng 25.5-28 trong thời gian tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

HĐKD trong Q2.2019 Thị trường xuất khẩu phân bón kém (thị trường Ấn Độ) do nắng nóng khiến nhu cầu tiêu thụ phân bón thấp. Vì thế, WPA giảm mạnh nhất. Phốt pho vàng đi ngang so với cùng kỳ (cả về giá: ~ 3000 USD và sản lượng). Biên LNG các sản phẩm vẫn giữ mức đi ngang, có WPA biên giảm.

HĐKD trong 2H.2019 DGC kỳ vọng Q3 + Q4 cải thiện do yếu tố mùa vụ. Cả năm 2019 KQKD dự kiến giảm (cố gắng đạt mức kế hoạch năm) còn outlook dài hạn vẫn tốt.

Giá chi phí đầu vào không đổi Giá điện tăng (chiếm khoảng 30 – 40% giá thành phốt pho) nhưng giá quặng apatit từ Vinachem giảm (Q1 tăng 7 – 8%, Q2 giảm do các doanh nghiệp phân bón KQKD chứng lại). Tổng thể, chi phí đầu vào năm 2019 không biến động nhiều.

Việc thoái vốn của Vinachem Do công ty trả cổ tức cổ phiếu 14% và mức định giá điều chỉnh không được phê duyệt, bên định giá chờ KQKD 6T rồi tiến hành định giá lại (dự kiến giá thoái sẽ giảm đi). Mục tiêu là Q4.2019 sẽ tiến hành thoái.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express DGC 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 07/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 07/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.41	-1.57%	2.68%	8.04%	-8.33%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	61.69	-2.03%	1.68%	7.42%	-13.18%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.62	-0.12%	-0.75%	6.61%	-1.24%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1490.83	0.43%	0.67%	0.27%	22.10%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.62	-0.06%	0.27%	2.35%	22.80%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	924.16	-0.19%	0.64%	0.97%	5.98%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	510.00	0.15%	-0.29%	4.24%	-0.39%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.14	-0.25%	7.87%	8.98%	38.71%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	155.90	2.77%	3.31%	4.63%	11.52%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.65	1.12%	2.51%	1.04%	-2.39%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.24	0.00%	2.21%	4.85%	-0.92%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	103.90	0.24%	5.00%	7.11%	-8.26%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.69	1.01%	0.34%	4.65%	-1.42%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3600.00	3.75%	3.24%	-1.34%	-20.16%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1815.00	1.62%	4.49%	3.95%	-6.95%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	82.00	-1.20%	-5.20%	-11.83%	9.33%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	70.25	0.24%	-0.45%	1.77%	-31.66%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent giảm 1.22 USD hay 1.94% xuống 61.74 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI giảm 0.88 USD hay 1.54% xuống 56.35 USD/thùng.
- Giá dầu tiếp tục giảm sau khi Reuters cho biết thỏa thuận thương mại tạm thời giữa Mỹ và Trung Quốc có thể trì hoãn tới tháng 12 do tiếp tục bàn luận. Trước đó giá giảm do số liệu từ Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho thấy dự trữ dầu thô của quốc gia này tăng 7.9 triệu thùng trong tuần gần nhất, vượt dự đoán tăng 1.5 triệu thùng của giới phân tích.
- Bổ sung thêm áp lực giảm giá, Quỹ tiền tệ quốc tế IMF cho biết tăng trưởng kinh tế khu vực eurozone có thể chậm hơn dự kiến khi khủng hoảng sản xuất của khối có thể lan ra lĩnh vực dịch vụ rộng lớn do căng thẳng thương mại toàn cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.5% lên 1,490.75 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 0.6% lên 1,493.1 USD/ounce. Vàng tăng sau khi sụt giảm gần 2% trong phiên trước, do nghi ngờ về kết quả các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung Quốc dường như không chắc chắn.
- Reuters dẫn lời một quan chức cao cấp của chính quyền Trump, cuộc họp giữa Tổng thống Mỹ Donald Trump và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình để ký một thỏa thuận thương mại tạm thời có thể bị trì hoãn cho đến tháng 12, khi các cuộc thảo luận tiếp tục về điều khoản và địa điểm.

Giá thép

- Thép cây tại Thượng Hải tăng 1.3%, khi các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc nỗ lực vực dậy nền kinh tế đang chậm lại. Thép cuộn cán nóng Thượng Hải đóng cửa tăng 1%.
- Quặng sắt trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 0.7% trong bối cảnh báo cáo một số hạn chế khẩn cấp với sản xuất thép đã kết thúc.

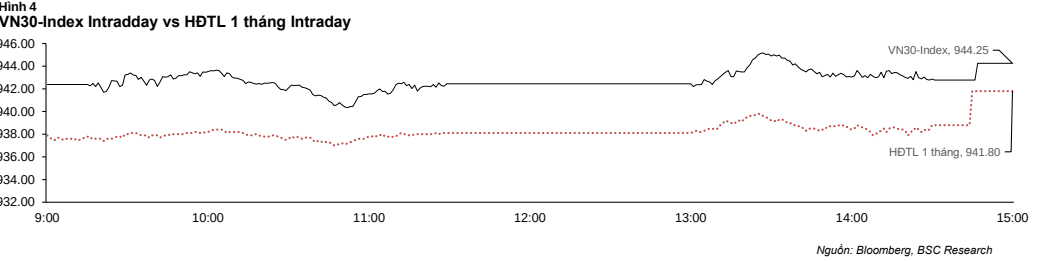
Giá nông sản

- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn London tăng 13 USD lên 1,352 USD/tấn. Cà phê arabica trên sàn New York kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 2.2 US cent hay 2.1% lên 1.08 USD/lb. Các đại lý cho biết những lo ngại về thời tiết khô hạn tại Brazil vẫn tiếp tục mặc dù có mưa rào gần đây.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.15 US cent hay 1.2% xuống 12.56 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 8.9 USD hay 1.5% xuống 338.9 USD/tấn. Giá đường giảm do đồng real của Brazil yếu so với USD, khuyến khích các nhà sản xuất Brazil bán ra.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 4/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng 0.5 JPY lên 178.4 JPY (1.64 USD)/kg. Giá cao su tăng lên trên mức cao nhất trong 3 tháng do hy vọng ngày càng tăng về thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung Quốc. Cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 35 CNY, lên 12,110 CNY (1,731 USD)/tấn.
- Dự báo sản lượng của các nhà sản xuất cao su tự nhiên hàng đầu thế giới Thái Lan, Indonesia và Malaysia giảm 800,000 tấn trong năm nay, theo Hội đồng Cao su Ba bên Quốc tế (ITRC).

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F1911	941.80	0.42%	-2.45	-16.9%	36326	11/21/2019	14
VN30F1912	939.60	0.07%	-4.65	14.1%	81	12/19/2019	42
VN30F2003	940.90	0.26%	-3.35	-64.7%	6	3/19/2020	133
VN30F2006	941.00	0.22%	-3.25	-10.0%	18	6/18/2020	224

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +1.87 điểm lên mức 944.25 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, EIB, MSN, MWG, và BID tác động mạnh đến vận động tăng điểm của VN30. Trong phần lớn thời gian hôm nay, VN30 vận động tích lũy trong vùng 941.5-943.5 điểm, trước khi bật tăng mạnh trong phiên ATC. Thanh khoản giữ tại mức vừa phải, VN30 có thể tiếp tục tích lũy dưới 945 điểm trong những phiên tới trước khi tiếp cận 950 điểm.
- Các HDTL đều tăng giá theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F1911 và VN30F2003 đang giảm, trong khi VN30F1912 và VN30F2006 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và cả dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá lý thuyết	Price/Value
CVNM1903	SSI	4/22/2020	167	1:1	62,690	28.8%	1.0 triệu	18.69%	26,600	27,500	3.38%	13,718.80	2.00
CNVL1901	KIS	2/7/2020	92	4:1	542,090	285.5%	5.0 triệu	20.44%	1,900	1,660	-4.60%	288.70	5.75
CVJC1902	SSI	4/22/2020	167	1:1	19,730	-37.6%	1.0 triệu	15.43%	27,900	29,400	-0.34%	16,895.90	1.74
CMBB1902	HSC	12/17/2019	40	1:1	117,270	-79.6%	1.0 triệu	17.05%	3,200	4,110	-0.96%	1,857.60	2.21
CVRE1902	HSC	4/8/2020	153	4:1	280,960	58.5%	5.0 triệu	25.36%	1,300	1,750	-1.69%	1,063.90	1.64
CVHM1902	SSI	4/22/2020	167	1:1	19,810	6.2%	1.0 triệu	25.49%	18,600	24,890	1.59%	17,535.80	1.42
CMWG1904	SSI	12/30/2019	53	1:1	11,790	-33.8%	1.0 triệu	20.43%	14,000	37,150	3.17%	35,918.60	1.03
CMWG1907	HSC	4/8/2020	153	10:1	218,910	22.7%	5.0 triệu	20.43%	1,900	1,840	1.10%	800.90	2.30
CMWG1906	MBS	12/16/2019	39	5:1	143,800	787.7%	3.0 triệu	20.43%	2,850	2,390	0.00%	1,273.90	1.88
CFPT1903	SSI	12/30/2019	53	1:1	22,030	-48.2%	2.0 triệu	20.16%	6,000	15,400	0.00%	14,675.30	1.05
CHPG1907	SSI	4/22/2020	167	1:1	79,040	-14.1%	1.0 triệu	26.39%	4,200	3,980	2.31%	2,846.00	1.40
CMBB1905	HSC	4/8/2020	153	2:1	157,770	-15.1%	5.0 triệu	17.05%	1,700	1,850	0.00%	780.30	2.37
CFPT1904	MBS	11/19/2019	12	3:1	115,150	-37.4%	3.0 triệu	20.16%	1,700	2,500	2.04%	2,527.10	0.99
CFPT1906	HSC	4/8/2020	153	5:1	140,090	-0.1%	5.0 triệu	20.16%	1,700	2,000	2.04%	1,030.90	1.94
CMBB1904	SSI	1/22/2020	76	1:1	85,210	N/A	2.0 triệu	17.05%	2,900	3,040	-5.00%	1,870.20	1.63
CHPG1905	SSI	12/30/2019	53	1:1	212,220	301.8%	1.0 triệu	26.39%	3,300	1,230	24.24%	799.60	1.54
CVIC1902	SSI	4/22/2020	167	1:1	10,650	-2.7%	1.0 triệu	17.88%	22,700	22,340	-0.84%	10,700.90	2.09
CMWG1903	HSC	12/30/2019	53	5:1	29,030	-79.3%	2.0 triệu	20.43%	2,700	6,360	1.27%	6,180.80	1.03
CSTB1901	KIS	1/9/2020	63	1:1	131,310	-23.5%	1.5 triệu	19.77%	1,390	1,320	-5.04%	408.10	3.23
CFPT1905	SSI	4/22/2020	167	1:1	15,530	-34.4%	1.0 triệu	20.16%	9,900	10,450	-3.69%	6,717.70	1.56
CREE1901	MBS	11/19/2019	12	3:1	316,260	259.8%	3.0 triệu	23.57%	1,260	400	14.29%	424.40	0.94
CVRE1901	KIS	11/14/2019	7	2:1	222,460	-48.1%	2.5 triệu	25.36%	1,900	50	-28.57%	-	
CMSN1901	KIS	11/14/2019	7	5:1	58,850	-63.7%	1.8 triệu	21.20%	1,920	40	-50.00%	-	
Tổng:					5,169,130		113.2 triệu	20.97%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 07/11/2019, thị trường chứng quyền có sự phân hóa trong khi hầu hết chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.
- Về giá, CMSN1901 và CVRE1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -50.00% và -28.57%. Trái lại, CHPG1905 và CREE1901 tăng mạnh nhất lần lượt là 24.24% và 14.29%. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ 3.35%. CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.57% thị trường.

Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG, VHM, VJC và REE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVHM1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. HPG tăng tích cực trong phiên hôm nay dù chưa vượt khỏi vùng tích lũy 21.5-23.5. Thanh khoản tăng mạnh, đồng thuận với tín hiệu tăng bởi các chỉ báo động lượng. Nếu thanh khoản tiếp tục tích cực, vận động tăng của HPG có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	22.70	3.18	1.60
EIB	18.40	5.75	1.44
MSN	76.50	0.66	0.32
MWG	125.30	0.56	0.28
SBT	18.90	2.44	0.18

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	129.1	-0.77	-0.69
VIC	120.8	-0.90	-0.68
VPB	22.0	-0.68	-0.35
NVL	58.1	-1.02	-0.31
STB	10.9	-0.91	-0.25

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM1903	146,600	120,000	129,100
CNVL1901	69,688	62,088	58,100
CVJC1902	157,900	130,000	143,200
CMBB1902	26,300	21,800	23,500
CVRE1902	37,700	32,500	35,200
CVHM1902	103,600	85,000	99,500
CMWG1904	165,000	90,000	125,300
CMWG1907	144,000	125,000	125,300
CMWG1906	135,150	120,900	125,300
CFPT1903	56,154	45,140	59,500
CHPG1907	25,200	21,000	22,700
CMBB1905	26,400	23,000	23,500
CFPT1904	57,100	52,000	59,500
CFPT1906	65,500	57,000	59,500
CMBB1904	24,900	22,000	23,500
CHPG1905	93,300	23,100	22,700
CVIC1902	137,700	115,000	120,800
CMWG1903	25,800	95,000	125,300
CSTB1901	12,278	10,888	10,900
CFPT1905	64,900	55,000	59,500
CREE1901	41,330	37,550	38,500
CVRE1901	44,688	40,888	35,200
CMSN1901	98,488	88,888	76,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	125.3	0.6%	0.7	2,412	2.5	8,321	15.1	4.9	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	85.2	0.2%	1.0	824	1.7	4,839	17.6	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	74.1	-1.3%	1.3	2,258	0.6	1,889	39.2	3.3	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.9	-0.3%	0.7	321	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	120.8	-0.9%	1.0	17,573	1.3	1,589	76.0	5.2	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	35.2	0.1%	1.1	3,564	5.8	1,033	34.1	2.9	31.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.1	-1.0%	0.8	2,350	1.0	3,187	18.2	2.6	7.4%	15.5%
REE	Bất động sản	38.5	1.6%	1.0	519	1.5	5,614	6.9	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	16.2	0.0%	1.4	372	1.5	3,215	5.0	1.0	68.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	22.1	1.6%	1.4	487	2.8	1,769	12.5	1.2	56.9%	9.4%
VCI	Chứng khoán	34.1	-1.3%	1.0	243	0.3	5,067	6.7	1.5	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	25.3	2.2%	1.5	336	2.0	1,287	19.7	1.8	56.2%	10.2%
FPT	Công nghệ	59.5	0.0%	0.8	1,755	3.7	4,688	12.7	3.0	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	46.0	0.0%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	106.1	0.3%	1.5	8,829	0.8	5,886	18.0	4.5	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	58.9	-0.5%	1.5	3,050	0.7	3,467	17.0	3.2	13.3%	19.5%
PVS	Dầu khí	19.1	0.0%	1.7	397	1.4	2,062	9.3	0.7	22.3%	8.5%
BSR	Dầu khí	10.0	0.0%	0.8	1,348	0.6	1,163	8.6	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.0	-1.0%	0.5	529	0.4	4,535	20.5	3.8	54.3%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.8	0.4%	0.7	235	0.1	650	21.2	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.3	-0.1%	0.6	167	0.1	625	11.6	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	91.3	0.3%	1.3	14,723	1.4	5,274	17.3	4.2	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	41.6	-1.4%	1.5	7,275	2.0	2,109	19.7	2.5	3.4%	13.5%
CTG	Ngân hàng	22.3	-0.2%	1.6	3,602	2.9	1,641	13.6	1.1	30.0%	8.5%
VPB	Ngân hàng	22.0	-0.7%	1.2	2,302	1.4	3,341	6.6	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	23.5	-0.2%	1.1	2,376	6.2	3,261	7.2	1.4	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.6	0.0%	1.1	1,772	2.3	3,585	6.9	1.6	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	53.4	-0.2%	0.8	190	0.2	5,073	10.5	1.7	79.3%	16.5%
NTP	Nhựa	31.9	-0.9%	0.3	136	0.2	4,603	6.9	1.2	20.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.6	0.6%	1.2	649	0.0	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.7	3.2%	1.0	2,725	13.0	2,526	9.0	1.4	37.5%	17.4%
HSG	Thép	7.4	0.7%	1.6	136	1.1	890	8.3	0.6	17.0%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	129.1	-0.8%	0.7	9,774	4.9	5,527	23.4	8.2	59.0%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	260.0	0.0%	0.8	7,249	0.4	7,365	35.3	9.3	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	76.5	0.7%	1.2	3,888	1.4	4,512	17.0	2.7	40.2%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.9	2.4%	0.5	482	1.0	440	43.0	1.5	6.0%	3.5%
ACV	Vận tải	77.9	-2.6%	0.8	7,373	0.4	2,630	29.6	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.2	-0.2%	1.1	3,261	2.5	9,850	14.5	5.5	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	36.2	0.8%	1.7	2,232	0.5	1,747	20.7	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	25.5	-0.2%	0.8	329	0.2	1,949	13.1	1.2	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.3	-0.9%	0.6	212	0.3	2,571	6.7	1.2	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	89.1	-1.5%	0.9	620	0.9	8,338	10.7	4.5	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.8	-0.8%	0.8	366	0.2	1,398	13.4	1.3	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.4	-1.2%	0.8	272	0.1	1,912	8.6	1.1	6.1%	13.8%
CTD	Xây dựng	75.0	-0.1%	0.7	249	0.3	9,842	7.6	0.7	48.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.1	-0.7%	1.1	520	0.3	1,557	17.4	1.8	0.0%	10.4%
CII	Xây dựng	24.0	0.0%	0.5	259	0.2	1,845	13.0	1.1	51.8%	8.8%
POW	Điện	13.6	0.0%	0.6	1,385	0.9	820	16.6	1.3	14.2%	7.8%
NT2	Điện	23.0	0.2%	0.6	288	0.1	2,721	8.5	1.6	19.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	22.70	3.18	0.57	13.24MLN
EIB	18.40	5.75	0.36	183380.00
VCB	91.30	0.33	0.33	360850.00
MSN	76.50	0.66	0.17	431590.00
GAS	106.10	0.28	0.17	175980.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.80	1.49	0.11	1.74MLN
DGC	27.20	5.02	0.10	198400.00
MBG	45.30	7.86	0.07	359200.00
CEO	9.50	3.26	0.04	1.56MLN
VC3	25.50	5.37	0.04	409000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	120.80	-0.90	-1.08	246740.00
BID	41.60	-1.42	-0.60	1.11MLN
VNM	129.10	-0.77	-0.51	866170.00
BVH	74.10	-1.33	-0.21	192310.00
NVL	58.10	-1.02	-0.16	393400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	89.10	-1.55	-0.05	243000.00
DHT	55.10	-5.16	-0.05	28300.00
NVB	9.10	-1.09	-0.04	771500.00
PGS	31.20	-2.19	-0.02	1100.00
CTX	12.50	-7.41	-0.02	9200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EMC	10.70	7.00	0.00	1100.00
NVT	8.87	7.00	0.02	7290.00
COM	56.70	6.98	0.02	10.00
CLG	3.69	6.96	0.00	4030.00
MCG	2.32	6.91	0.00	183520.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	26300.00
FID	1.10	10.0	0.00	3000.00
GDW	29.70	10.0	0.00	100.00
TV4	15.50	9.9	0.01	1100.00
VT5	29.40	9.7	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGL	9.29	-9.81	-0.02	98980.00
NNC	49.10	-8.74	-0.03	85110.00
SC5	23.25	-7.00	-0.01	1420.00
PJT	10.70	-6.96	0.00	1080.00
RIC	5.91	-6.93	0.00	120.00

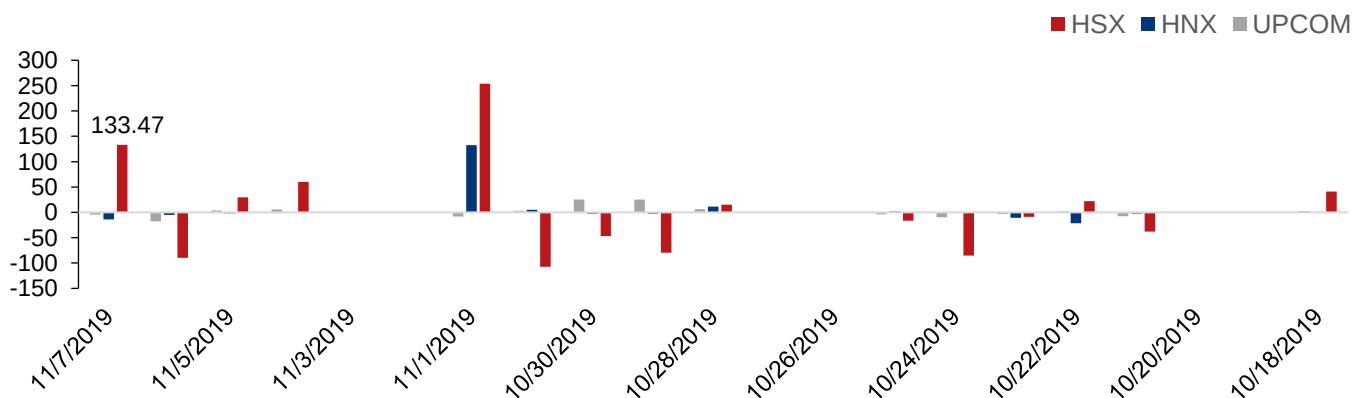
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TKC	7.20	-10.00	-0.01	400.00
BTW	30.90	-9.91	-0.01	100.00
PGT	4.70	-9.62	0.00	700.00
PSD	12.50	-9.42	-0.01	2500.00
RCL	16.80	-9.19	-0.02	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	26.0	3,491	7.4	1.2	Click
2	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.0	2,246	8.5	0.9	Click
3	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.2	3,678	10.4	0.7	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	76.5	4,512	17.0	2.7	Click
5	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	129.1	5,527	23.4	8.2	Click
6	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.5	2,887	7.8	1.6	Click
7	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	38.5	5,614	6.9	1.2	Click
8	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	79.7	14,958	5.3	1.5	Click
9	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.4	2,279	3.7	0.5	Click
10	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.6	3,585	6.9	1.6	Click
11	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.8	1,079	12.7	1.2	Click
12	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	91.3	5,274	17.3	4.2	Click
13	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.9	1,723	13.3	1.7	Click
14	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.5	3,261	7.2	1.4	Click
15	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	56.6	2,801	20.2	3.3	Click
16	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	25.5	1,949	13.1	1.2	Click
17	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.3	3,391	7.7	1.8	Click
18	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	59.5	4,688	12.7	3.0	Click
19	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.9	649	21.4	1.2	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	125.3	8,321	15.1	4.9	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn